

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06-8-2018
V/v: ly hôn, con chung, chia tài sản
chung giữa chị C và anh D

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Mạnh;

Ông Nguyễn Hải Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện hải Hậu tham gia phiên tòa :
ông Phạm Anh Tuấn- kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2018/TLST- HNGĐ ngày 04/5/2018 về việc “ly hôn, nuôi con chung, tài sản chung của vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/7/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị C, sinh năm 1974; cư trú tại: TDP số 3, thị trấn Y, huyện H, tỉnh N (có mặt).

- Bị đơn: Anh Đinh Văn D, sinh năm 1970; cư trú tại: TDP số 3, thị trấn Y, huyện H, tỉnh N. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Vợ chồng ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1952; đều cư trú tại: TDP số 3, thị trấn Y, huyện H, tỉnh N. (vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 05/3/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị C và anh Đinh Văn D đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 10/8/1992 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Yên Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ đẻ anh D một thời gian ngắn thì vợ chồng vay mượn mua đất làm nhà cấp bốn ở riêng. Do anh D không tháo vát nên chị C phải vay chạy tiền đi lao động xuất khẩu để lo kinh tế gia đình. Quá trình đi lao động xuất khẩu chị C sau khi đã trả hết nợ nần tiền đi xuất khẩu đã gửi tiền về để vợ chồng sửa sang nhà cửa cũ và xây dựng ngôi nhà hai tầng liền nhà cũ. Nhưng do tính tình và quan điểm sống khác nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D tính gia trưởng, bản thân chị C không có quyền gì trong gia đình, làm việc gì anh D cũng cấm cản, không cho chị làm nghề mưu sinh, không cho chị được tự do đi lại. Anh D có cách sống cục thúc, sinh hoạt khác người khiến cuộc sống chung rất ngột ngạt, khó chịu. Nếu chị C và các con có ý kiến thì anh D chửi bới, thậm chí sử dụng vũ lực đánh đập, nhiều lần vợ chồng xô xát các con chứng kiến, từ khi chị C làm đơn ly hôn thì anh D đập phá đồ đạc trong gia đình, đốt đồ dùng sinh hoạt là bàn ghế, cắt nước sinh hoạt và mang một số đồ dùng sinh hoạt đi ra khỏi nhà. Không thể sống chung nhà với anh D chị C và cháu Dũng phải đi thuê nhà ở tạm để nhờ tòa án phân xử cho ly hôn. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị C làm đơn đề nghị Tòa án cho được ly hôn anh D.

Về con chung: chị C khai nhận vợ chồng có 02 con chung là Đinh Thanh D1, sinh ngày 20/8/1993 và Đinh Tấn Dũng, sinh ngày 10/3/2007, hiện nay cháu D1 là con trai lớn của chị C, anh D đã trưởng thành xây dựng gia đình riêng nên chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu Dũng hiện đang sống cùng chị C. Khi ly hôn, chị C có nguyện vọng được là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dũng và không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về chia tài sản chung: Về công trình xây dựng và đồ dùng sinh hoạt: Vợ chồng có xây được một ngôi nhà mái bằng hai tầng 45,5m²; một nhà mái ngói quay nam diện tích 33,2m², một đại tôn phía trước ngôi nhà mái ngói có diện tích 17,86m²; phía sau ngôi nhà gồm nhà tắm và nhà vệ sinh nằm bắc thổ; phía nam thổ đổ được sân bê tông; hàng rào khung sắt b40; và một số đồ dùng sinh

hoạt có một bộ bàn ghế sa lông tàu hiện nay anh D đã đập nát hỏng ghế con và đốt tay cầm ghế, bộ bàn ghế ăn và một số đồ dùng khác hiện nay anh D đã phá hỏng và mang đi. Tổng công trình xây dựng trên đất là 350.000.000đ. Tiền đồ dùng sinh hoạt là 14.300.000đ. Nguồn gốc tiền làm nhà do chị C đi nước ngoài gửi về là Ch và do anh D bỏ công xây nhà.

Về thổ đất: vợ chồng có một thổ đất diện tích 205m² tại tờ bản đồ số 8, số thửa 104 tại TDP số 3 thị trấn Yên Định hiện nay thửa đất trên đứng tên ông Đinh Văn D và bà Trần Thị C. Hội đồng định giá đã định giá có trị giá 512.500.000đ.

Về dụng cụ sinh hoạt: Ngoài những dụng cụ sinh hoạt mà Hội đồng định giá đã định giá ở trên anh D còn mang đi và làm hư hỏng nhiều dụng cụ sinh hoạt khác có giá trị lớn, tuy nhiên chị C không yêu cầu tòa án xem xét đến những dụng cụ đồ dùng sinh hoạt này nữa để anh D sử dụng không đề nghị Tòa án giải quyết.

Nguyên vọng khi chia tài sản chung: Chị C đề nghị khi chia tài sản chung vợ chồng là các phần công trình xây dựng trên đất và quyền sử dụng đất chị C đề nghị Tòa án chia theo quy định của pháp luật và xin sở hữu, sử dụng toàn bộ ngôi nhà và công trình khác xây trên đất và những đồ dùng sinh hoạt còn lại gồm có 1 bộ bàn ghế sa lông, 1 bộ bàn ghế ăn và thanh toán phần chênh lệch chia tài sản bằng giá trị hiện vật cho anh D.

Về công nợ chung: Tháng 6 năm 2017 chị C bị tai nạn giao thông phải đi bệnh viện Việt Đức tại thành phố Hà Nội. Sau đó đến tháng 3 năm 2018 do di chứng của lần bị tai nạn, chân chị C bị hoại tử phải cưa đi một đoạn và thay xương nhân tạo, nếu không sẽ phải cưa toàn bộ chân. Do không có tiền, chị C đã nói anh D đem sổ đỏ đi vay nợ nhưng anh D không đồng ý nên chị đã vay bà Nguyễn Thị Vòng và ông Nguyễn Xuân Tăng 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) để chữa bệnh ở Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định, đến nay còn nợ chưa trả. Tổng hai lần chữa bệnh đã hết số tiền 50.000.000đ chị C vay của bà Vòng, ông Tăng, chị còn giữ lại hóa đơn chữa bệnh lần hai chi phí chữa bệnh tại bệnh viện đa khoa Nam Định hết 37.701.646 đồng chị C đã giao nộp cho Tòa án, chưa kể tiền tiền xe cộ đi lại, tiền dưỡng sức. Nay ly hôn chị C đề nghị tòa án buộc anh D phải có trách nhiệm trả khoản nợ vay của bà Vòng, ông Tăng là nợ chung vợ chồng.

* Tại bản tự khai 16/5/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Đinh Văn D trình bày: phù hợp với lời khai của chị C về quá trình tìm hiểu, thời gian chung sống, kết hôn, về mâu thuẫn của vợ chồng. Đến nay chị C làm đơn

xin ly hôn với anh. Theo anh D vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn từ 3 năm trở lại đây, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị C không coi anh là chồng, không tôn trọng anh D. Việc chị C khai anh D gia trưởng, chửi bới, sử dụng vũ lực với chị C không cho chị C quyền hành gì trong là không đúng. Anh D công nhận vợ chồng có cãi chửi nhau nhưng đều do chị C không tôn trọng nhau, bực mình nên anh phải dạy chị C, Khi chị C đi bệnh viện bạch mai chữa bệnh do bị tai nạn anh cũng nên chăm một tuần nhưng chị C nói nhiều và nhờ anh em nhà ngoại nên chăm anh mới về. Vợ chồng vẫn chung sống trong cùng một nhà đến khi chị C làm đơn ly hôn thì thật sự ly thân. Nay chị C làm đơn xin ly hôn, bản thân anh D xét thấy mặc dù vợ chồng không còn tình cảm nhưng đã có thông gia, việc ly hôn ít nhiều ảnh hưởng đến danh dự của gia đình nên anh không đồng ý, nếu chị C để anh sử dụng nhà đất chung của vợ chồng và anh thanh toán chênh lệch tài sản cho chị C thì anh nhất trí ly hôn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đinh Thanh D1, sinh ngày 20/8/1993 và Đinh Tấn Dũng, sinh ngày 10/3/2007 hiện nay cháu D1 đã trưởng thành xây dựng gia đình nên anh D cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cháu Đinh Tấn Dũng cho anh nuôi dưỡng và không yêu cầu chị C phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Anh D thừa nhận khối tài sản chung của vợ chồng như cô C khai nhận là đúng và nhất trí với giá mà Hội đồng định giá đưa ra nhưng do anh không mời hội đồng định giá nên anh không ký biên bản. Trước đây anh và chị C có bàn bạc thỏa thuận miệng đồng ý để cho chị C quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng và nhận ở chị C 400.000.000 đồng nhưng đến nay anh D cũng cần có chỗ ở nên anh cũng muốn nhận toàn bộ tài sản của vợ chồng và thanh toán chênh lệch cho chị C và theo quy định của pháp luật.

Về công nợ: Anh D công nhận chị C có bị tai nạn giao thông và phải điều trị tại bệnh viện Bạch Mai và bệnh viện Nam Định là sự việc có thật, anh D đã chăm chị C cả tuần tại bệnh viện Bạch Mai, khi đi bệnh viện anh có đưa cho chị C ba triệu đồng do anh đi làm mà có để cùng chị C chữa bệnh, do chị C tự bị tai nạn, tự ý đi bệnh viện, tự vay nợ để chữa bệnh chi phí viện phí, và tự trả tiền viện phí nên anh D không biết chị C phải chi phí bao nhiêu, việc chị C tự vay nợ của bà Vòng, ông Tăng cùng xóm để chữa bệnh cho chị C, do chị C tự bị tai nạn nên phải có trách nhiệm với khoản nợ này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Nguyễn Xuân Tăng và bà Nguyễn Thị Vòng vắng mặt tại phiên Tòa có lời khai xác nhận vào thời điểm chị C bị tai nạn, do chị C không có tiền chữa bệnh nên đã hỏi vay ông bà số tiền 50.000.000đ để đi chữa bệnh. Khi cho vay hai bên không viết giấy tờ gì và ông bà cũng không lấy tiền lãi. Thời điểm ông Tăng, bà Vòng cho chị C vay tiền, vợ chồng anh D, chị C chị vẫn còn sống chung nhà với nhau và anh D còn lên bệnh viện chăm sóc chị C, nên việc chị C đi chữa bệnh và vay tiền ông bà thì anh D hoàn toàn biết sự việc này. Nay vợ chồng chị C, anh D ly hôn, ông Tăng, bà Vòng đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh D, chị C phải có trách nhiệm chung để trả nợ khoản vay của ông bà và không yêu cầu anh D, chị C phải thanh toán tiền lãi theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án, việc thụ lý, giải quyết, thu thập tài liệu chứng cứ, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng và trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Thị C.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị C và anh Đinh Văn D.

Về nuôi con chung: Giao cháu Đinh Tấn Dũng, sinh ngày 10/3/2007 cho chị Trần Thị C là người trực tiếp nuôi con, ghi nhận sự tự nguyện của chị C không đề nghị anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về chia tài sản chung : Căn cứ Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử công nhận tài sản chung vợ chồng anh D, chị C gồm: thổ đất diện tích 205 m² tại tờ bản đồ số 8, số thửa 104, đứng tên anh Đinh Văn D và chị Trần Thị C tại Tổ dân phố số 3 thị trấn Yên Định, một nhà mái bằng hai tầng và một nhà mái ngói và các công trình khác trên đất, đồ dùng sinh hoạt còn lại là tài sản chung của vợ chồng anh D, chị C có tổng trị giá 876.950.000đ. Căn cứ vào Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, thì thấy về thổ đất nguồn gốc đất do vợ chồng mua và vợ chồng cùng có công sức đóng góp tiền xây dựng ngôi nhà nên có quyền ngang nhau, chị C là phụ nữ hiện nay đang nuôi con , cháu Dũng có nguyện vọng xin ở với mẹ và có nguyện vọng giao toàn bộ tài sản chung vợ chồng gồm nhà và các công trình xây dựng trên đất và thửa đất

205m² tại thửa 8, tờ bản đồ số 104 đứng tên vợ chồng để chị và các con có chỗ ở để ổn định, xét điều kiện hoàn cảnh hai bên nên giao cho chị Trần Thị C sở hữu, sử dụng và thanh toán tiền tiền chênh lệch chia tài sản chung cho anh Đinh Văn D 500.000.000đ giá trị tài sản chung vợ chồng.

Về đồ dùng sinh hoạt của vợ chồng còn lại đã định giá: nên giao chị C sở hữu và thanh chênh lệch tài sản cho anh D .

Về công nợ: Xác nhận khoản nợ vay 50.000.000đ của ông Tăng, bà Vòng đi chữa bệnh cho chị C trong thời kỳ hôn nhân là có căn cứ . Nên buộc anh D, chị C có trách nhiệm cùng trả mỗi người một nửa là 25.000.000đ.

Tại phiên toà: Nguyên đơn chị Trần Thị C và bị đơn là anh Đinh Văn D có mặt giữ nguyên quan điểm như trình bày trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Vợ chồng ông Nguyễn Xuân Tăng và bà Nguyễn Thị Vòng đã được Tòa án giao và nhận trực tiếp các văn bản pháp luật theo đúng quy định về thời gian địa điểm mở phiên tòa, tại phiên tòa, vợ chồng ông Tăng, bà Vòng xin vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Tăng, bà Vòng.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:*

Cuộc hôn nhân giữa chị Trần Thị C và anh Đinh Văn D trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân thị trấn Yên Định, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tổ chức đăng ký kết hôn ngày 27/8/1992 là hoàn toàn hợp pháp. Mâu thuẫn giữa chị C và anh D là có thật. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không thật sự tin tưởng và cảm thông chia sẻ với nhau, tính tình và quan điểm sống khác nhau, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung. Hai bên chị C và anh D đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, trong cuộc sống chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh D đã sâu sắc, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu đề nghị xin ly hôn của chị C để

giải phóng cho hai bên là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Đinh Thanh D1, sinh ngày 20/8/1993 và Đinh Tấn Dũng, sinh ngày 10/3/2007, hiện nay cháu D1 đã trưởng thành xây dựng gia đình nên chị C, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết, con cháu Dũng hiện đang sống cùng chị C. Khi ly hôn, chị C, anh D đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Dũng và không yêu cầu bên kia đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Xét hoàn cảnh thực tế hiện nay và yêu cầu của các bên, nguyện vọng của con chung nên giao con chung là cháu Đinh Tấn Dũng, sinh ngày 10/3/2007 cho chị Trần Thị C là người trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận ý kiến tự nguyện của chị C không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con mà để anh D tự có trách nhiệm đi lại thăm nom chăm sóc con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về chia tài sản và công nợ: Anh C và chị C công nhận vợ chồng có xây được một ngôi nhà mái bằng hai tầng 45,5m²; một nhà mái ngói quay nam diện tích 33,2m², một đại tôn phía trước ngôi nhà mái ngói có diện tích 17,86m²; phía sau ngôi nhà gồm nhà tắm và nhà vệ sinh nằm bắc thổ; phía nam thổ đồ được sân bê tông; hàng rào khung sắt b40; và một số đồ dùng sinh hoạt có một bộ bàn ghế sa lông tàu hiện nay anh D đã đập nát hỏng ghế con và đốt tay cầm ghế, bộ bàn ghế ăn và một số đồ dùng khác hiện nay anh D đã phá hỏng và mang đi. Tổng công trình xây dựng trên đất là 350.150.000đ. Tiền đồ dùng sinh hoạt là 14.300.000đ và một thổ đất diện tích 205m² tại tờ bản đồ số 8, số thửa 104 tại TDP số 3 thị trấn Yên Định hiện nay thửa đất trên đứng tên ông Đinh Văn D và bà Trần Thị C có trị giá 512.500.000đ. Tổng trị giá tài sản chung là 876.950.000đ

Về chia tài sản chung chị Trần Thị C và anh Đinh Văn D đề nghị Tòa án chia đôi toàn bộ tài sản chung vợ chồng và xin sở hữu, sử dụng toàn bộ công trình trên đất, đồ dùng sinh hoạt định giá và được quyền sử dụng thổ đất diện tích 2015m² và nhận trách nhiệm thanh toán chênh lệch chia tài sản cho bên kia.

Xét nguyện vọng của chị C và anh D về việc cùng có nguyện vọng đề nghị được sở hữu, sử dụng nhà và các công trình xây dựng trên đất và quyền sử dụng thửa đất 205 m² tại tờ bản đồ số 8, số thửa 104 tại TDP số 3 thị trấn Yên Định, hiện nay đứng tên ông Đinh Văn D, bà Trần Thị C, sở hữu dụng cụ sinh hoạt

còn lại và nhận trách nhiệm thanh toán phần chênh lệch chia tài sản cho bên còn lại thì thấy:

Căn cứ vào điều 33 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định thổ đất 205 m² tại tờ bản đồ số 08, số thửa 104 TDP số 3 thị trấn Yên Định , hiện nay đã đứng tên ông Đinh Văn D, bà Trần Thị C và các công trình xây dựng trên đất có tổng trị giá 876.950.000đ là tài sản chung của bà Trần Thị C và ông Đinh Văn D.

Xét điều kiện, hoàn cảnh, nguồn gốc và công sức đóng góp, nhu cầu sử dụng của các bên đương sự thì thấy: Thổ đất có diện tích 205 m² đứng tên ông Đinh Văn D, bà Trần Thị C hiện nay có chiều rộng 9,25m, qua xem xét, thẩm định trên thực địa thổ đất này ông D, bà C đã xây dựng một nhà mái bằng và một nhà ngang liên kề , ở phía trước nhà ngang là một đại tôn, phần đất trống còn lại chưa xây dựng công trình còn lại diện tích rất nhỏ nếu cắt chia phần đất này thì ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của công trình xây dựng khác trong khối tài sản chung. Về ngôi nhà hai tầng tầng và các công trình khác xây trên thổ đất 205m² có tổng trị giá 350.150.000đ, ông D và bà C đều khai nhận đây là tài sản chung của vợ chồng và nhất trí chia đôi. Xét thấy để đảm bảo khối tài sản chung thống nhất, giá trị tài sản chung không mất giá trị nên giao bà C quyền sở hữu, sử dụng các công trình xây dựng trên thổ đất và quyền sử dụng 205m² đất tại tờ bản đồ số 8 thửa số 104 đứng tên ông Đinh Văn D và bà Trần Thị C tại Tổ dân phố số 3 thị trấn Yên Định và có trách nhiệm thanh toán cho ông D giá trị tiền chênh lệch chia tài sản chung vợ chồng ngang bằng nhau là phù hợp.

Về dụng cụ sinh hoạt hiện nay chỉ còn một bộ bàn ghế sa lông tàu, ông D đã làm hỏng một ghế đôn và đốt hỏng mấy tay cầm giá trị còn lại 12.000.000đ , một bàn ghế nhà ăn giá trị còn lại là 1.300.000đ; một kệ gỗ trị giá 1000.000đ . Tổng giá trị tài sản đồ dùng sinh hoạt là 14.300.000đ. Nên giao bà C sử dụng và thanh toán giá trị chênh lệch chia tài sản cho ông D.

Về công nợ chung: ông D và bà C đều công nhận bà C có bị tai nạn và đi chữa bệnh đóng đinh chân hai lần tại bệnh viện Bạch Mai và bệnh viện Nam Định, cả hai lần này bà C là người thanh toán viện phí và ông D xác nhận có chăm sóc bà C khi bà C bị tai nạn và không trả tiền viện phí cho bà C, thời điểm bà C bị tai nạn và đi bệnh viện ông D và bà C chưa ly hôn. Ông Tăng và bà Vòng xác nhận khi bà C bị tai nạn và đi chữa chân có vay tiền của ông Tăng, bà Vòng số tiền 50.000.000đ, bà C xuất trình các hóa đơn phải chi phí viện phí, chứng từ thuốc thang chữa bệnh. Như vậy việc bà C khai nhận vợ chồng có vay

số tiền đi chữa bệnh là đúng sự thật. Khoản tiền 50.000.000đ bà C vay đi chữa bệnh được xác định là khoản chi tiêu nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, có cơ sở chấp nhận đây là khoản nợ chung của vợ chồng, vì vậy bà C, ông D phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho vợ chồng ông Nguyễn Xuân Tăng và bà Nguyễn Thị Vòng số tiền 50.000.000 đồng.

[5] Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Trần Thị C phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Án phí chia tài sản: Bà Trần Thị C và ông Đinh Văn D phải nộp án phí chia tài sản theo quy định của pháp luật.

- Về lệ phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản: bà Trần Thị C tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản chung của vợ chồng, không đề nghị Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 33; Điều 107; Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 của UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị C và ông Đinh Văn D.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Đinh Tấn Dũng, sinh ngày 10/3/2007 cho bà Trần Thị C là người nuôi dưỡng trực tiếp đến khi các con thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình .

Về cấp dưỡng nuôi con chung: ông D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con bà C theo quy định pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được gây khó khăn cản trở.

3. Về chia tài sản và công nợ:

Chia cho bà Trần Thị C được quyền sử dụng thửa đất số 104, tờ bản đồ số 8, diện tích 205m² (trong đó: ODT: 160m², LNK: 45m²), được UBND huyện Hải Hậu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BP702427 ngày 06/5/2014, đứng tên ông Đinh Văn D và bà Trần Thị C, được sở hữu một ngôi nhà mái bằng 2 tầng, một số công trình khác trên đất và dụng cụ sinh hoạt gồm 02 bộ bàn ghế salon Tàu, 01 bộ bàn ghế nhà ăn, tổng giá trị là 876.950.000đ (tám trăm bảy mươi sáu triệu C trăm năm mươi nghìn đồng) và có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng ông Nguyễn Xuân Tăng và bà Nguyễn Thị Vòng số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng); thanh toán cho ông Đinh Văn D số tiền 430.000.000đ (bốn trăm ba mươi triệu đồng) tiền chênh lệch chia tài sản.

Các đương sự có nghĩa vụ bàn giao các tài sản được chia và thanh toán các khoản giá trị tiền chênh lệch chia tài sản, thanh toán khoản tiền phải trả nợ cho nhau và bà Trần Thị C có trách nhiệm liên hệ với Cơ quan Nhà nước để làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu tài sản và quyền sử dụng đất theo quy định của Bản án.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành, kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền người phải thi hành án chậm thi hành phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị C phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 19.847.500đ tiền án phí chia tài sản nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu gồm 300.000đ theo biên lai số 0002482 ngày 04/5/2018 và 3.000.000 đồng theo biên lai số 0000057 ngày 04/7/2018. Chị C còn phải nộp 16.550.000đ (mười sáu triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Đinh Văn D phải nộp 21.200.000đ (hai mươi một hai trăm nghìn đồng) tiền án phí chia tài sản.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do Ch đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án có quyền thỏa thuận th hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 ,Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh+huyện;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- UBND thị trấn Yên Định;
- Cấp cho đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng